

TÔNG CẢNH LỤC**QUYỂN 48**

Hỏi: Pháp môn ba tánh gồm thông muôn pháp, ở thức thứ tám, tánh nào gồm thuộc, và khoảng có bao nhiêu vị?

Đáp: Trong luận nói: “Các thứ hữu lậu cùng thức dị thực thể không ràng buộc, tánh vô ký gồm, nhân quả đều có tánh thiện v.v... nên cũng gọi là thiện v.v... các thứ vô lậu chẳng phải thức dị thực, chỗ tánh gồm thuộc, nhân quả đều là tánh thiện gồm thuộc, chỉ gọi là thiện”. Giải thích: Các thứ hữu lậu đây cùng với thức thứ tám, thể không khác biệt nên tánh loại là đồng, chỉ là vô ký. Nếu năng và sở sinh pháp đều thông với thiện v.v... bá tánh, nghĩa là chủng tử đó vốn năng huân tập, nhân của hiện hành, và sinh ra sau là quả của hiện hành đều thông với ba tánh vậy. Nói nhân quả đều tánh thiện v.v... tức là môn công năng sai biệt nói, chẳng phải môn y tựa thể, tánh chỉ vô ký. Đây là nói về hữu lậu chủng mà nói, nếu vô lậu chủng, chẳng phải tánh dị thực gồm thuộc nên chẳng phải vô ký, thể tánh chẳng thuận với bản thức thể. Thể đã chẳng đồng thì không thể tương tức. Lại, tánh loại khác biệt, năng trị sở trị, hữu lậu vô lậu sai khác, chẳng thể tương tức.

Hỏi: Vô lậu đã chẳng theo thức gọi là tánh vô ký, vậy đây là tánh gì?

Đáp: Nhân quả đều là tánh thiện gồm thuộc, chỉ gọi là thiện, pháp như vậy, tất cả pháp của vô lậu, thuận lý nghịch sinh vô tác vô ký. Lại nữa, luận gồm Đại Thừa nói: “Nhưng thức thứ tám gồm có hai vị: Một là, hữu lậu vị, tánh vô ký gồm, chỉ cùng xúc v.v... năm pháp tương ứng, chỉ duyên chấp thọ xứ cảnh như nói ở trước. Hai là, vô lậu vị, chỉ tánh thiện gồm, cùng hai mươi một tâm sở tương ứng, là biến hành, biệt cảnh mỗi thứ có năm và mười một món thiện, cùng tất cả tâm luôn tương ứng vậy, thường lác chứng biết cảnh sở quán vậy. Đối với cảnh sở quán luôn ẩn trì vậy, ở nơi cảnh từng cảm thọ luôn ghi nhớ rõ vậy, Đức Thế Tôn không có tâm bất định vậy, với tất cả pháp thường quyết chọn vậy, với cực tịnh tín v.v... thường tương ứng vậy, không nhiễm ô, không tán

động. Đây chỉ cũng cùng xả thọ tương ưng, nhậm vận luôn thời bình đẳng mà chuyển vậy, dùng tất cả pháp làm cảnh sở duyên, gương trí duyên khắp tất cả pháp vậy.

Hỏi: Bản thức trong tất cả thời có gián đoạn chăng? Hay không gián đoạn? Định duyên ở trong hay định duyên ở ngoài?

Đáp: Thức đây từ đầu đến cuối không có sát-na nào gián đoạn, trong ngoài đều duyên. Trong luận Du-già nói: “Thức A-lại-da trong tất cả thời không có gián đoạn, tương khí thế gian, thí như đèn lửa lúc sinh bên trong chấp mở rót bên ngoài phát ánh sáng”. Như vậy, thức A-lại-da, duyên chấp thọ bên trong, duyên khí tướng bên ngoài, đạo lý sinh khởi nên biết như vậy. Lại duyên cảnh lúc không phế bỏ không biến đổi khác, từ sát-na chấp thọ đầu tiên cho đến lúc mạng chung, chỉ một mùi vị liễu biệt mà chuyển.

Hỏi: Thức A-lại-da cùng các chuyển thức là lại làm nhân hay lại làm quả?

Đáp: Qua lại nhân quả. Trong kinh có kệ tụng nói:

*“Các pháp nơi thức
Thức nơi chứa cũng vậy
Qua lại làm tánh quả
Cũng thường làm tánh nhân”.*

Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Thức A-lại-da cùng pháp tạp nhiễm qua lại làm nhân duyên, như đèn sinh lửa chuyển đổi sinh đốt cháy, lại như bó lau qua lại làm nường trứ”. Giải thích: Các pháp ở nơi thức tàng năng gồm chứa, vì cùng các thức làm hai tánh duyên: Một là, làm hạt giống kia, hai là, làm chỗ nường của kia. Thức ở nơi pháp cũng vậy, là chỗ nhiếp tàng vậy, vì các chuyển thức cùng thức A-lại-da cũng làm hai duyên: Một là ở nơi hiện pháp nuôi lớn hạt giống. Hai là ở nơi pháp chuyển sau gồm trồng hạt giống, qua lại sinh nên như đèn đuốc bó lau là nêu duyên tăng thượng dụ nghĩa nhân duyên, như đèn đuốc và lửa chuyển đổi sinh lửa, trong đuốc sinh lửa như hạt giống sinh hiện, trong lửa thiêu đốt đuốc như hiện huân hạt giống. Lại như bó lau cùng nường tựa làm nhân đều có, là loại hiển bày hai pháp làm thí dụ, dụ nghĩa nhân duyên.

Hỏi: Thức chủng tử và thức A-lại-da là một hay là khác?

Đáp: Chẳng phải một chẳng phải khác. Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “hạt giống pháp phẩm bất tịnh lại trong thức A-lại-da là có thể riêng biệt nên khác, là không thể riêng biệt nên chẳng khác. Cả hai đều có mất, phải rõ chẳng một chẳng khác. Thức A-lại-da đây cùng

chúng tử cộng sinh như vậy. Tuy có năng y sở y, chẳng do thể ràng buộc nên khác. Cho đến, năng là giả không thể, sở là thật có thể, giả thật hòa hợp, tướng khác khó thể phân biệt, vì không hai thể vậy. Thức đây trước chưa có công năng huân tập sinh sau mới có công năng vậy, khác với trước. Thức trước chỉ là quả báo, chẳng được gọi là tất cả chủng tử, thức trước chỉ sinh tự tương tục, thức sau năng sinh tự tha tương tục nên ưu thắng hơn so với trước. Thí như hạt thóc sinh khởi tự mầm, có công năng nên nói thóc là hạt giống mầm. Thóc nếu bày trần đã lâu hoặc bị lửa làm tổn hoại thì mất công năng, tướng thóc chẳng khác, vì công năng hoại nên chẳng gọi là hạt giống Thức đây cũng vậy, nếu có công năng sinh tất cả pháp, do cùng công năng tương ứng nên gọi là tất cả chủng tử. Công năng đây nêu rơi rụng không còn, thì chỉ gọi là thức quả báo, chẳng phải là tất cả hạt giống, cho nên chẳng phải khác.

Hỏi: Hạt giống có nhiều chăng?

Đáp: Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Hạt giống có hai: Một là hạt giống bên ngoài, chỉ là giả danh, vì tất cả pháp chỉ có thức vậy. Hai là chủng tử bên trong, thì là chân thật, vì tất cả pháp lấy thức làm gốc. Hai chủng tử đây niệm niệm sinh diệt, từng sát-na trước sinh sau diệt không có gián đoạn vậy, pháp đây được thành chủng tử. Tại sao? Bởi pháp thường trú, chẳng thành chủng tử, trong tất cả thời không sai biệt vậy. Lại nữa, thế nào là hạt giống bên ngoài? Như thóc nếp v.v... không huân tập được thành chủng tử, do trong ngoài được thành. Cho nên bên trong có huân, bên ngoài có thành chủng tử chẳng do tự công năng, hẳn do bên trong huân tập cảm bên ngoài, nên thành chủng tử. Tại sao? Vì tất cả pháp bên ngoài lìa bên trong thì chẳng thành, cho nên ở bên ngoài chẳng thành huân tập. Một là do bên trong có huân tập được thành chủng tử. Lại, thức thứ tám từ hạt giống sinh nên gọi là thức quả báo, năng gồm giữ hạt giống, cũng gọi là thức hạt giống. Lại, bản thức là tập đế nên gọi là chủng tử, là khổ đế nên gọi là quả báo. Lại hai quả đều có cùng quả pháp của sở sinh hiện hành, đều hiện hòa hợp mới thành chủng tử. Giải thích: Nghĩa là hạt giống đây cốt yếu trông quả pháp sở sinh hiện hành, cùng thời hiện có. Hiện: Một là hiển hiện, hai là hiện tại, ba là hiện có. Ba nghĩa gọi là hiện, do người không tánh đây. Thức thứ bảy chẳng gọi là chủng tử, quả chẳng hiển hiện, tức hiển hiện nói xen chọn thứ bảy loa, hiện tại kén chọn trước sau, hiện có kén chọn giả pháp, thể là thật có mới thành chủng tử. Nên hiển hiện chỉ tại quả. Hiện có chỉ tại nhân, hiện tại thông cả nhân quả, hòa hợp kén chọn lìa nhau.

Hỏi: Hạt giống tử là vốn có hay mới huân sinh?

Đáp: Trong luận Duy Thức nói: “Tất cả chủng tử đều tánh vốn có, chẳng từ huân sinh, do sức huân tập, chỉ có thể tăng trưởng. Như trong Khế kinh nói: Tất cả hữu tình từ vô thủy đến nay có các thứ giới, như Ác-xoa tụ pháp vậy mà có”. Giới tức là tôn sùng bái của chủng tử vậy. Lại trong kinh có kệ tụng nói:

*“Vô thủy thời lai giới
Tất cả pháp đồng nương.”*

Giới nghĩa là nhân. Trong Du-già cũng nói: “Thể các chủng tử từ vô thủy đến nay tuy tánh vốn có mà do nhiếp tịnh mới huân mà phát. Các loại hữu tình từ vô thủy đến nay. Pháp Bát-nhã Niết-bàn, tất cả chẳng thể thấy đều đầy đủ, chẳng pháp Bát Niết-bàn bèn khuyết ba thứ chủng tử Bồ-đề”. Các văn từ như vậy, thật chứng minh chẳng phải một. Trong Khế Kinh nói: Tâm tánh tịnh là nói lý tâm không, chỗ hiển bày chân như, chân như là tánh tâm chân thật vậy. Hoặc nói là tâm thể, chẳng phải phiền não vậy, gọi là tánh bản tịnh, chẳng phải tâm tánh hữu lậu, là vô lậu nên gọi là bản tịnh. Do đó nên nói: Các hữu tình từ vô thủy đến nay, chủng tử hữu lậu vô lậu chẳng do huân tập pháp vậy thành tựu. Vì thắng tấn sau huân khiến tăng trưởng. Pháp vô lậu khởi, lấy đây làm nhân, lúc vô lậu khởi lại huân thành chủng. Pháp hữu lậu chủng loại đây nên biết. Giải thích: Tâm tánh là chân như vậy, chân như vô vi chẳng phải nhân của tâm, cũng chẳng phải chủng tử năng có quả pháp, như hư không v.v... vậy. Chẳng phải tâm tánh hữu lậu là vô lậu gọi là bản tánh tịnh. Lại nếu thủ trước chánh nghĩa, vốn có mới huân hợp sinh hiện hành, chẳng phải có trước sau. Một, vốn có nghĩa là từ vô thủy trong thức dị thực pháp vậy mà sinh uẩn xứ giới v.v... công năng sai biệt. Đức Thế Tôn y cứ đây nói các hữu tình từ vô thủy đến nay có các thứ giới, như Ác-xoa tụ pháp vậy mà có. Tất cả hạt giống cùng thức thứ tám một thời mà có, từ đây năng sinh bày hiện hành trước, hiện hành trên đầu lại huân hạt giống ử; Hai, mới huân nghĩa là vô thủy đến nay luôn luôn hiện hành huân tập mà có, nên gọi là mới huân. Đức Thế Tôn y cứ đây nói tâm hữu tình do các pháp nhiễm tịnh huân tập vậy, là nơi tích tập vô số chủng tử vậy. Ý Bồ-tát Hộ Pháp nói: Hạt giống hữu lậu vô lậu đều có mới huân và vốn có, hợp sinh hiện hành cũng chẳng tạp loạn. Nếu mới huân gặp duyên từ từ mới huân sinh. Nếu vốn có gặp duyên tức từ vốn có sinh. Nếu thiên chấp chỉ từ mới huân, hoặc thiên chấp chỉ là vốn có, cả hai đều trái nghịch giáo. Nếu hai nghĩa đều lấy là khéo phù hợp giáo lý”. Các bậc Cổ đức hỏi: Đây gồm lúc chưa nghe

huân thì vốn có đây từ lâu mà sinh? Đáp: Từ vô thủy đến nay, thân đây cùng hạt giống đồng thời mà có, như chủng tử cây cỏ bên ngoài v.v... Lại nữa, các bậc Cổ đức giải nghĩa huân chủng là các pháp tuy có hai thứ mới cũ, ngay lúc hiện sinh, hoặc từ mới sinh, hoặc từ cũ sinh, gọi là hai thức, chẳng phải gọi là hai thức ở trong một niệm đồng sinh một hiện, nếu vậy tức có lỗi của nhiều thứ cùng sinh một mầm. Lại hỏi trong tám thức đã đầy đủ nghĩa của vốn có và mới huân, thức nào là nhân năng huân và quả sở huân? Đáp: Y cứ chánh nghĩa trong các kinh luận tức bảy thức hiện hành trước là nhân của nhân duyên năng huân, huân sinh mới huân chủng tử. Thức thứ tám là quả của nhân duyên sở huân bảy thức hiện hành trước. Lại hỏi bản thức v.v... tuy có lực năng huân tự chủng, và năng thân gần sinh tự chủng. Hiện hành bản thức v.v... được tự sinh chủng làm nhân duyên là, đã chẳng luôn tự chủng, làm sao năng sinh tự chủng? Lại, huân và sinh có gì khác biệt? Đáp: Huân là từ huân nghĩa là kích phát, sinh là sở kiến, nghĩa là từ nhân sinh ra. Nghĩa là bản thức v.v... tuy không nghĩa của lực tự huân kích phát tự hạt giống, mà có nghĩa thân sinh tự chủng. Như tánh hữu lậu, pháp vậy vốn có hạt giống vô lậu, tuy có công năng sinh quả, nếu chẳng được hai vị Tư gia các thiện hữu lậu tự huân kích phát tức chẳng thể sinh hiện, phải nhờ sức các thiện hữu lậu tự huân mới năng sinh hiện. Lại như các chủng thiện nhiễm v.v... trong bản thức năng dẫn tuần tự tự loại chủng tử sau, tuy có nghĩa sinh, không nghĩa tự huân, như các chủng thóc nếp v.v... tuy có công năng sinh mầm, nếu chẳng có được đất, nước v.v... giúp huân kích phát, cũng chẳng năng sinh hiện hành đó. Bản thức tuy có công năng sinh chủng, nhưng tự lực yếu kém, phải nhờ thức thứ sáu thứ bảy cùng huân mới sinh. Do ý nghĩa đó, nên bản thức tuy chẳng phải năng huân mà năng sinh chủng, nên cùng thân gần chủng được làm nhân duyên. Năm căn trần v.v... các căn phần cũng nên vậy. Đây giải nay y cứ nhân vị, hiện hành trong tự thân gần chỗ huân chủng, năng làm hai duyên, tức nhân duyên và tăng thượng duyên. Chỉ trừ thức thứ tám và rất yếu kém vô ký trong thức thứ sáu, có năng huân vậy, nay căn cứ văn đây, hiện ở thân gần chủng được làm trong nhân duyên, đã trừ thức thứ tám và rất yếu kém vô ký trong thức thứ sáu chẳng phải năng huân, trong tự thân gần chủng, là nghĩa không nhân duyên. Nếu nói bản thức và rất yếu kém vô ký trong thức thứ sáu năng sinh tự chủng được làm nhân duyên, bèn phạm dị thực có lỗi năng huân, và trái nghịch mất Thánh giáo. Lại hỏi như sáu thức trước biến nên tướng phần năm trần, chẳng năng tự huân chủng mới, phải nhờ tâm năng biến mới năng huân

tự chủng. Tướng phần năm trần được làm năng huân, rất yếu kém vô ký đó cũng nhờ tâm duyên năng biến, cố sao chẳng đồng tướng phần năm trần làm năng huân? Đáp: Nay căn cứ pháp hữu vi phân làm ba phẩm: Một là, Thượng phẩm, như bảy chuyển thức và tương ứng v.v... một phần năng duyên lực nên lực rất mạnh, đều có lực tự huân. Hai là Trung phẩm, như tướng phần năm trần v.v... tuy có lực huân mà lực hơi kém, nhờ tâm và lực mới tự huân. Ba là, Hạ phẩm, tức rất yếu kém vô ký, mà người rất suy bệnh không lực chẳng thể tự khởi, nếu người và lực phù trì cũng chẳng thể khởi, loại bản thức v.v... cũng như vậy. Vốn không lực huân, nghĩa là tâm và lực cũng chẳng thể huân. Do ý nghĩa này nên rất yếu kém vô ký một hướng không lực. Chỉ lực hơi yếu kém chẳng thể riêng huân, nhờ tâm tương trợ mới có một nửa lực, nên là năng huân. Do ý nghĩa này, nên nay chánh giải thức tụ thứ tám và dị thực sở biến tướng phần năm căn và phù căn dị thực v.v... cùng sáu thức trước dị thực v.v... đều không chủng mới, vì rất yếu kém đó chẳng phải năng huân vậy. Từ vốn có chủng cũ sinh ra, trưởng dưỡng năm căn đó, và phù căn đây cùng tướng phần đẳng lưu năm trần v.v... sở biến của sáu thức trước đều có thể mỗi mỗi có hai thứ mới huân và vốn có.

Hỏi: Chủng tử tịnh pháp từ nghe huân sinh, ở trong bản thức cùng chủng tử bất tịnh, nghĩa của huân phát, có gì đồng hay khác ư?

Đáp: Chủng tử nhiễm tịnh đều đủ nghĩa huân thì tăng giảm có khác. Nếu Tịnh pháp huân tổn bản thức, nếu nhiễm pháp huân tăng bản thức. Như trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Chuyển y gọi là pháp thân do văn (nghe) huân, bốn pháp được thành: Một là, tin kính Đại thừa là chủng tử Đại tịnh. Hai là, Bát-nhã Ba-la-mật, là chủng tử Đại ngã. Ba là hư không khí Tam-muội, là chủng tử Đại lạc. Bốn là Đại bi là chủng tử Đại thường. Văn (nghe) huân tập đây và bốn pháp làm chủng tử bốn đức, lúc bốn đức tròn đầy thì bản thức đều hết, bốn đức xưa nay là có chẳng từ chủng tử sinh, từ nhân làm danh, nên gọi là chủng tử. Văn huân tập đây chẳng phải là Tăng ích bản thức nên sinh, vì muốn diệt tổn thể lực bản thức nên sinh, năng đối trị bản thức cùng tánh bản thức trái nghịch nhau vậy, chẳng bị tánh bản thức gồm thuộc. Nếu chủng tử bất tịnh thì huân tập sinh tăng ích bản thức, cùng tịnh chủng có khác.

Hỏi: Huân tập lấy gì làm nghĩa?

Đáp: Huân là phát vậy, hoặc còn là trí (khiến nên) vậy. Tập là sinh vậy, là gần, là số, tức phát đạt đến quả ở trong bản thức khiến chủng tử sinh, gần sinh trưởng nên huân có hai thứ: Một là tập huân, nghĩa là huân tâm thể thành sự nhiễm tịnh v.v... Hai là tư huân, nghĩa

là hiện hành tâm cảnh và nghĩa là mê hoặc tương tư v.v... Trong kinh Lăng-già nói: “Đại bi, huân chẳng thể nghĩ bàn, biến chẳng thể nghĩ bàn, là nhân hiện thức, thủ các thứ trần và vọng tưởng huân từ vô thủy, là nhân của phân biệt sự thức. Cho nên vô minh năng huân chân như thành nhiễm pháp đó, bản giác năng huân vô minh khởi tịnh dụng đó. Đây đều là nơi chẳng thể huân mà năng huân, gọi là huân chẳng thể nghĩ bàn”. Chẳng thể biến khác mà biến khác. Nói biến chẳng thể nghĩ bàn là như trong kinh Thắng Man nói: “Chẳng nhiễm mà nhiễm, chẳng thể rõ biết, nhiễm mà chẳng nhiễm khó thể rõ biết”. Trong luận Hiển Thức nói: “Thức phân biệt là nếu khởi sức an lập huân tập là lực huân tập trong thức thứ tám vậy. Thí như đốt hương xông ướp y phục, hương thể diệt mà mùi hương còn ở trong y phục, gọi là xông ướp y phục, hương đó chẳng thể nói có, vì hương thể diệt mất vậy. Hương đó chẳng thể nói không vì mùi hương còn vậy. Như sáu thức khởi thiện ác lưu còn sức huân, ở trong bản thức năng được quả báo trong tương lai, gọi là chủng tử.

Hỏi: Năng huân và sở huân mỗi thứ có bao nhiêu nghĩa năng thành huân tập?

Đáp: Mỗi thứ có đủ bốn nghĩa khiến chủng tử sinh trưởng, nên gọi là huân tập. Trong luận Duy Thức nói: “Trước nói về sở huân có bốn nghĩa: Một là tánh kiên trú, hai là tánh vô ký, ba là tánh có thể huân, bốn là tánh hòa hợp”. Xưa trước giải thích tức bốn nghĩa đây mỗi mỗi có chỗ kén chọn, trong luận nói: “Một, tánh kiên trú, nếu pháp thủy chung một loại tương tục năng trì tập khí mới là sở huân. Đây là ngăn cản chuyển thức và tánh tiếng gió v.v... chẳng kiên trú, nên chẳng phải sở huân”. Giải thích: Phàm là thức sở huân tức phải là một loại kiên trú tương tục chẳng đoạn năng trì tập khí mới là sở huân. Nay, sáu chuyển thức trước, nếu lúc năm vị không tâm, đều gián đoạn, đã chẳng phải kiên trú, chẳng phải là sở huân. Đây cũng là ngăn cản các sư trong kinh lượng bộ đem sắc tâm hỗ tương trì chủng. Luận Chủ nói: Vả như ở vô sắc giới lúc vào diệt định, sắc tâm đều gián đoạn, lúc ấy dùng pháp gì năng trì chủng? Lại như năm căn năm trần đều chẳng thông ba cõi, cũng chẳng phải kiên trú, làm sao kham làm tánh sở huân? Lại nữa, thức thứ bảy ở vị hữu lậu, tuy chẳng gián đoạn, tại trong vị Thập địa cũng có giải thoát gián đoạn, nghĩa là lúc được vô lậu chẳng thể trì chủng hữu lậu. Vì hý luận và vô lậu thể nó trái nhau. Vì thức thứ tám tuy có hữu lậu, vì tại trong nhân thể không giải thoát chỉ là tánh vô tánh, tức chẳng phòng ngăn cùng năng trì chủng vô lậu, được gọi là sở huân, nên lập lượng nói:

“Bảy chuyển thức trước là có pháp chẳng phải sở huân”. Tông nhân nói: “Chẳng kiên trú vậy, đồng dụ như điện chớp tiếng gió v.v...”.

Hỏi: Nếu nói có tánh kiên trú tức là sở huân, chỉ như Phật quả thứ tám cũng là tánh kiên trú, nên gọi là sở huân ư?

Đáp: Đem hai nghĩa kén chọn. Trong luận nói: “Hai tánh vô ký, nếu pháp bình đẳng không chỗ trái nghịch, năng dung tập khí, mới ở sở huân. Đây ngăn cản thiện nhiễm thế lực lớn mạnh không chỗ dung nạp nên chẳng phải sở huân”. Giải thích: Phạm là sở huân, phải chỉ là một loại vô ký tức chẳng trái nghịch tánh thiện ác mới nhận chịu kia huân. Nay Phật quả thứ tám đã là tánh thiện, tức chẳng chứa tánh bất thiện và vô ký, chẳng phải là sở huân. Vì Phật quả viên mãn vậy, như tợ trầm xạ chẳng bị vật xú ứ xông. Nếu tánh bất thiện tức là phiền não, lại chẳng chứa tâm sở huân tín v.v... vì hỗ tương trái nhau dung nạp vậy. Tánh sở huân đó, như người rộng tâm xả hạnh, năng dung nạp được tất cả sự thiện ác, nếu người tâm tánh ác tức chẳng trúng. Thức thứ tám tợ người rộng tâm xả hạnh, năng chứa tất cả tập khí, có nghĩa như vậy mới gọi là sở huân. Nếu Như Lai; thức vô lậu tịnh thứ tám chỉ tại trong nhân là nơi từng huân tập, mang hạt giống cũ đây chẳng phải mới thọ huân, vì chỉ thiện nên trái nghịch với bất thiện v.v...”. Lại nói: Thiện nhiễm như trầm xạ tối tây thơm nên chẳng bị huân xông. Vô ký như lụa trắng nên năng chịu xông. Như thiện chẳng dung chứa ác, như trắng chẳng nhận chịu đen, như ác chẳng dung chứa thiện, như thối chẳng nhận nạp thơm, chỉ hàm tàng của bản thức, rộng đồng thái hư mới dung nạp vậy.

Hỏi: Nếu nói có hai nghĩa tánh kiên trú và tánh vô ký bèn gọi là sở huân, và như tâm sở thứ năm đồng tâm vương đủ hai nghĩa đó, nên là sở huân. Lại như vô vi cũng có nghĩa tánh kiên trú, là sở huân, có lỗi lầm gì?

Đáp: Đem nghĩa thứ ba mà kén chọn. Trong luận nói: “Ba tánh có thể huân là như pháp tự tại, tánh chẳng phải kín chắc, năng thọ tập khí, mới là sở huân. Đây ngăn cản tâm sở và pháp vô vi, vô vi kín chắc, nên chẳng phải sở huân”. Nói tự tại là chánh kén chọn Nan-đà hứa thứ tám năm tâm sở biến thọ huân. Luận chủ nói: “Tâm sở chẳng tự tại nên y tha sinh khởi, chẳng phải tánh sở huân”. Nói tánh chẳng phải kín chắc, tức chọn chân như của Bồ-tát Mã Minh bị huân. Phạm có thể huân là phải thể tánh hư rộng năng chứa hạt giống mới được. Mã Minh Cứu nói: “Chân như bị huân, vì chân như là tánh, thứ tám là tướng, tánh tướng chẳng lìa nhau, như lúc huân trước tướng kiêm huân trước tánh, hoặc gồm tướng về tánh vậy, chân như thọ huân nào lỗi quá gì, như đem

vàng đá làm vòng đeo tay v.v... Bồ-tát Hộ Pháp phá nói: “Huân tướng chẳng huân tánh, như lửa đốt thế giới chẳng đốt hư không. Nay chỉ là tâm vương thứ tám thể tánh hư rỗng mới có thể bị huân, như y phục hư rỗng mới năng nhận mùi hương v.v... xông”.

Hỏi: Nếu nói có ba nghĩa tánh kiên trú tánh vô ký và tánh có thể bị huân tức là sở huân. Nên có thể thức thứ tám người này thọ huân bảy thức trước của người khác, vì thức thứ tám của người này là tánh có thể huân vậy ư?

Đáp: Đem nghĩa thứ tư mà kén chọn. Trong luận nói: “Bốn, cùng năng huân v.v... tánh hòa hợp, nếu cùng năng huân đồng thời đồng xứ, chẳng tức chẳng lìa, mới là sở huân, ở đây ngăn ngại thân khác từng sát-na trước sau, không nghĩa hòa hợp, nên chẳng phải sở huân, chỉ thức dị thực đầy đủ bốn nghĩa đây, có thể là sở huân, chẳng phải tâm sở v.v...” Giải thích: Nay đem thức thứ tám người này trông bảy thức trước người khác, không nghĩa đồng thời đồng xứ hòa hợp nên chẳng phải là sở huân, cũng ngăn cản các sư trong kinh Lượng Bộ đem thức thể niệm trước huân thức tướng niệm sau, chẳng đồng thời, cũng chẳng phải sở huân. Tiếp đến, năng huân có bốn nghĩa: Một là có sinh diệt, hai là có thắng dụng, ba là có tăng giảm, bốn là cùng sở huân hòa hợp. Bốn nghĩa này mỗi một cũng có chỗ kén chọn, tạm như người ngoài hỏi pháp vô vi được gọi là năng huân chăng? Đáp: đem nghĩa thứ nhất mà kén chọn. Trong luận nói: “Một có sinh diệt, nếu pháp chẳng phải thường, năng có tác dụng sinh trưởng tập khí, mới là năng huân. Đây ngăn ngại vô vi, trước sau chẳng biến không dụng sinh trưởng nên chẳng phải năng huân”. Giải thích: Nay bảy thức trước có sinh diệt, có tác dụng sinh trưởng, mới là năng huân.

Hỏi: Nếu vậy thì như nghiệp cảm dị thực sinh tâm tâm sở và sắc pháp, bất tương ứng hành v.v... đều có sinh diệt, cũng có tác dụng nên là năng huân ư?

Đáp: Đem nghĩa thứ hai mà kén chọn. Trong luận nói: “Hai có thắng dụng, nếu có sinh diệt, thế lực tăng mạnh năng dẫn tập khí, mới là năng huân. Đây ngăn ngại dị thực tâm tâm sở v.v... thế lực suy kém nên chẳng phải năng huân”. Giải thích: Nghiệp cảm dị thực sinh tâm tâm sở v.v... kém yếu, không tác dụng lớn mạnh, năng huân sắc pháp. Tuy có lớn mạnh, lại không thắng dụng duyên lực, chẳng tương ứng hành. Hai dụng đều khuyết, đây chẳng phải năng huân. Lại nữa, thế dụng có hai: Một là, dụng năng giải thích, tức chọn các sắc làm tướng phần huân chẳng phải năng duyên huân. Hai là, dụng lớn mạnh là chẳng mặc tình

khởi tức tâm dị thực v.v... có dụng duyên lực, không dụng lớn mạnh, là tương phần huân chẳng phải năng duyên huân, sắc bên trong có dụng lớn mạnh không dụng năng duyên. Tâm dị thực v.v... có dụng năng duyên, không dụng lớn mạnh, chẳng tương ứng pháp, cả hai đều không, đều chẳng phải năng huân. Tức dụng duyên thế có thể khiến huân tập, như người khỏe mạnh năng đạt thành công hiệu vậy.

Hỏi: Nếu có sinh diệt và có thắng dụng tức gọi là năng huân, và như Phật quả bảy thức trước cũng đủ hai nghĩa đây, nên là năng huân ư?

Đáp: Dem nghĩa thứ ba mà kén chọn, trong luận nói: “Ba có tăng giảm, nếu có thắng dụng có thể tăng có thể giảm, gồm gieo tập khí, mới là năng huân. Đây ngăn ngại Phật quả viên mãn thiện pháp không tăng không giảm nên chẳng phải năng huân. Kia nếu năng huân, bèn chẳng phải viên mãn, Phật quả trước sau nên có hơn kém.

Hỏi: Nếu nói có đầy đủ ba nghĩa có sinh diệt có thắng dụng có tăng giảm, tức gọi là năng huân. Vậy như bảy thức trước của người khác cũng có ba nghĩa trên, nên cùng thức thứ tám của người này huân hạt giống được chăng?

Đáp: Dem nghĩa thứ tư mà kén chọn. Trong luận nói: “Bốn cùng sở huân hòa hợp mà chuyển, nếu cùng sở huân đồng thời đồng xứ chẳng tức chẳng lia, mới là năng huân. Đây ngăn ngại thân người khác, từng sát-na trước sau, không nghĩa hòa hợp nên chẳng phải năng huân, chỉ bảy chuyển thức và tâm sở sau có dụng thắng thế mà tăng giảm. Đây đủ bốn nghĩa đây có thể là năng huân. Năng huân như vậy cùng thức sở huân đều sinh đều diệt, là nghĩa huân tập thành. Nay, chủng tử trong sở huân sinh trưởng như huân cự thặng, nên gọi là huân tập”.

Giải thích: Trong luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Cự thặng xưa nay là than, thời gian lâu dài chôn vùi trong đất, bèn biến làm cự thặng. Cự thặng cùng hoa đồng sinh đồng diệt. Bên trong huân tập nên sinh mùi hương. Lại, chủng tử là bị danh của tập khí. Tập khí hẳn do huân tập mà có. Nêu thí dụ như mùi thơm mè vừng hoa huân nên sinh, tức trong mè vừng có mùi hương hẳn nhờ hoa huân mới được mùi hương vậy. Ở phương Tây nếu muốn làm dầu thơm xoa thân, trước dùng mùi hia lấy nơi hạt cự thặng nhóm lại một nơi, ngâm khiến mục rã, sau lại lấy cự thặng ép dầu. Dầu bèn có mùi hương phảng phất, so lại trong mè vừng không mùi hương, nhân hoa huân nên sinh. Nghĩa huân tập là cốt yếu đều sinh diệt thì nghĩa huân tập thành, chẳng phải như hạt giống sinh mầm, khác thời vậy, chẳng đồng sinh diệt vậy, lấy đó làm thí dụ.

Hỏi: Nếu nói phải cùng sở huân hòa hợp một nơi mới gọi là năng huân. Vậy thì cha mẹ đã mất trước và con cháu mất trước v.v... người sau vì tạo công đức. Đây cũng là huân đến thức người khác. Vì được phước, tại sao chẳng hứa?

Đáp: Đây có hai giải hiểu: Một, đây chỉ là tăng thượng khiến người mất tự phát tâm, chẳng phải huân thức người khác. Hai là trong bảy phần hứa được một phần, khó chỉ được một phần công đức đây, bên là người này tạo phước, người khác thọ quả, nên trái với nghĩa Duy thức chẳng? Đáp: Có năm lực mà Duy thức chẳng phán: Một định lực, hai thông lực, ba tá thức lực, bốn đại nguyện lực, năm pháp oai đức lực.

Hỏi: Huân thứ tám trong bảy năng huân, trong bốn phần, căn cứ huân phần nào?

Đáp: Năm chuyển thức trước năng huân chủng tử tướng phần A-lại-da, ý thức thứ sáu năng huân chủng tử tướng kiến phần thứ tám, Mạt-na thức thứ bảy chỉ huân chủng tử kiến phần thứ tám.

Hỏi: Bốn phần trong bảy thức trước, phần nào năng huân?

Đáp: Kiến phần tướng phần năng huân chủng, vì hai phần này có tác dụng vậy.

Hỏi: Tướng phần là sắc, sao có thể huân chủng?

Đáp: Chỉ là kiến phần cùng lực khiến tướng phần huân chủng, như chim kêu gá ụ đất mà thành vỏ trứng. Lại, kiến phần là tự chứng phần cùng lực.

Hỏi: Năm thức trước cùng thức thứ tám huân chủng tướng phần. Tướng phần thức thứ tám đó có ba cảnh, nay huân chủng tướng phần nào?

Đáp: Chỉ huân trong thân và khí bên ngoài, thật chủng tướng phần năm trần, ngoài ra tức chẳng huân, vì chẳng năng duyên vậy.

Hỏi: Năm thức ở trong tất cả thời là đều huân ba chủng là có hay không vậy?

Đáp: Đều huân ba chủng, giả sử lúc khác giới cùng duyên năm thức phải gá tự tướng thức thứ tám mà huân chủng bản chất. Lại như hàng Nhị thiên trở lên lúc nhờ ba thức sơ thiên duyên ba cảnh địa trên cũng mỗi mỗi huân ba chủng. Tướng chất chủng đó hàng Nhị thiên trở lên thân nhiếp còn kiến phần chủng tức thuộc sơ thiên bố buộc. Vì vượt giới địa pháp không nên nói nhờ, nếu được các căn dùng xem nhau, duyên cảnh năm trần tự tha đều huân ba chủng tử. Vì là tánh cảnh thân gồm, bản chất đồng là tướng phần thức thứ tám. Nếu lúc thức thứ sáu duyên kiến phần thức thứ tám huân được hai chủng kiến chất, đều là

tâm chủng, tức cùng thức thứ tám huân được chủng kiến phần. Lại tự huân được chủng kiến phần thức thứ sáu, trung gian tướng phần tức chẳng huân. Nếu lúc thức thứ sáu duyên tướng phần thức thứ tám, hoặc huân ba chủng tử làm tự huân được năng duyên chủng kiến phần. Nếu lúc hiện lượng cũng tự huân được tướng phần chủng năm trần. Lại cùng thức thứ tám huân được chủng bản chất năm căn trần, nhiều phần chỉ huân hai chủng kiến chất.

Hỏi: Lúc thức thứ sáu duyên tướng phần ba cảnh thức thứ tám đều cùng huân được chủng ba cảnh chẳng?

Đáp: Chỉ huân chủng căn thân và khí giới. Duyên cảnh chủng tử tức chẳng huân chủng, sợ phạm lỗi vô cùng vậy. Lúc thức thứ sáu đó duyên năm căn và cảnh chủng tử đều là độc ảnh cảnh. Có thuyết nói: Tánh cảnh đó tức phải tướng phần là thật, bên có hai lớp năm căn hiện hành, phạm hữu tình giới thêm lỗi quá, nên biết chẳng thể được.

Hỏi: Thức thứ sáu năng duyên bốn phần thức thứ tám, sao nói chỉ huân chủng kiến phần tướng phần?

Đáp: Vì hai phần bên trong cùng kiến phần đồng là tâm chủng nhiếp thuộc ở trong kiến phần.

Hỏi: Lúc thức thứ sáu duyên một trăm pháp, đều huân chủng bản chất chẳng?

Đáp: Nếu duyên vô vi và chẳng tương ưng hành cùng một phần giả trong tâm sở là đều chẳng huân chủng bản chất. Thật là tức lúc huân dùng duyên giả pháp, chỉ là độc ảnh cảnh, cũng chẳng huân chủng tướng phần. Năng duyên chủng kiến phần đó tức huân. Nếu thức thứ bảy duyên kiến phần thức thứ tám huân chủng, chỉ huân hai chủng kiến chất, nhất định chẳng huân chủng tướng phần. Khoảng giữa đó tướng phần chỉ từ hai đầu hợp khởi, nhưng thông hai tánh. Một nửa từ trên bản chất khởi là tánh vô phú, một nửa là từ trên kiến phần năng duyên sinh là tánh hữu phú.

Hỏi: Như trong sở huân thứ ba nói ở trước, Bồ-tát Hộ Pháp cật nạn nghĩa chân như thọ huân của Bồ-tát Mã Minh. Phàm, nghĩa của huân tập là huân tướng chẳng huân tánh, như lửa thiêu đốt thế giới chẳng thiêu đốt hư không. Nghĩa của chân như thọ huân đây làm sao thông hiểu?

Đáp: Phàm huân của năng và sở, sơ lược có hai tông: Một là, tông pháp tướng, hai là, tông pháp tánh. Ở trước Bồ-tát Hộ Pháp là y cứ tông pháp tướng mà cật nạn, nay là Bồ-tát Mã Minh y cứ tông pháp tánh. Nay tông pháp tánh cũng bảy thức v.v... mà làm năng huân, thức

thứ tám làm sở huân. Trong thức thứ tám dùng Như Lai tạng tùy duyên thành lập, bao gồm có nghĩa sinh diệt và chẳng sinh diệt vậy. Nay nói huân là huân của chẳng huân, biến của chẳng biến, tức huân chân như trong môn sinh diệt, tướng của tùy duyên, nếu trong môn chân như tức chẳng huân. Nghĩa huân biến đây đều chẳng thể nghĩ bàn, vì chẳng nhiễm mà nhiễm vậy. Như trong luận Khởi Tín nói: “Lại nữa, vì nghĩa bốn chủng pháp huân tập, pháp nhiễm tịnh khởi không có đoạn tuyệt. Một, tịnh gọi là chân như. Hai, nhiễm gọi là vô minh. Ba, vọng tâm gọi là nghiệp thức. Bốn, vọng cảnh gọi là sáu trần. Nghĩa huân tập là như y phục thế gian chẳng phải mùi thối chẳng phải mùi thơm, tùy dùng vật xông thì có hơi mùi đó. Tánh tịnh pháp chân như chẳng phải là nhiễm, vô minh luân đó thì có tướng nhiễm. Vô minh nhiễm pháp thật không nghiệp tịnh, chân như huân đó mà nói có dụng tịnh. Thế nào là huân tập nhiễm pháp chẳng đoạn? Nhân nhiễm, nhưng vô minh đây tức huân chân như. Đã huân tập rồi sinh tâm vọng niệm. Tâm vọng niệm đây lại huân vô minh, vì huân tập nên không rõ biết (bất giác) chân pháp. Vì không rõ biết nên tướng vọng cảnh hiện, do sức huân tập của tâm vọng niệm, nên sinh các thứ chấp trước sai biệt, tạo các thứ nghiệp, nhận chịu các thứ quả báo khổ của thân tâm v.v... Nghĩa vọng cảnh huân có hai thứ riêng biệt: Một là, tăng trưởng phân biệt huân, hai là, tăng trưởng chấp thủ huân. Nghĩa vọng tâm huân cũng có hai thứ riêng biệt: Một là, tăng trưởng nghiệp thức căn bản huân, hai là, tăng trưởng sự thức phân biệt huân, khiến các phàm phu thọ nghiệp buộc khổ. Nghĩa vô minh huân cũng có hai thứ riêng biệt: Một là, căn bản huân, nghĩa thành tựu nghiệp thức. Hai là, kiến ái huân, nghĩa thành tựu sự thức phân biệt. Thế nào là huân tập tịnh pháp chẳng dứt đoạn? Nghĩa là do chân như huân vô minh, do sức nhân duyên huân tập khiến tâm vọng niệm nhằm chán khổ sinh tử mà cầu an lạc Niết-bàn. Vì nhân duyên nhằm chán và mong cầu của vọng tâm đây lại huân chân như. Do huân tập vậy thì tự tin thân mình có pháp chân như bản tánh thanh tịnh. Biết tất cả cảnh giới chỉ tâm vọng động rốt ráo không có. Vì năng biết như thật như vậy nên tu pháp xa lìa, khởi các thứ hạnh tùy thuận, không chỗ phân biệt, không chỗ chấp trước, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, do sức suốt tập nên vô minh diệt, vô minh diệt nên tâm tướng chẳng khởi, tâm chẳng khởi nên tướng cảnh giới diệt. Tất cả nhân nhiễm duyên nhiễm như vậy và tướng tâm nhiễm giới đều diệt, gọi là đắc nước, thành tựu các thứ nghiệp dụng tự tại. Nghĩa vọng tâm huân có hai thứ riêng biệt: Một là, sự thức phân biệt huân, khiến tất cả phàm phu Nhị thừa nhằm chán

khổ sinh tử, tùy chính mình kham năng hưởng đến đạo Vô thượng. Hai là, ý huân, khiến các Bồ-tát phát tâm đồng mãnh, nhanh chóng hưởng vào Niết-bàn vô trú. Nghĩa chân như huân cũng có hai thứ riêng biệt: Một là, thể huân, hai là, dụng huân. Thể huân nghĩa là chân như từ vô thủy đến nay đầy đủ tất cả vô lượng vô lậu, cũng đủ dụng thắng cảnh giới khó nghĩ bàn thường không gián đoạn huân tâm chúng sinh. Do lực này nên khiến chúng sinh nhằm chán khổ sinh tử cầu an lạc Niết-bàn, tự tin thân mình có thật pháp chân như phát tâm tu hành. Dụng huân, tức là lực của ngoại duyên chúng sinh, có vô lượng nghĩa, nay lược nói có hai thứ: Một là, duyên sai biệt, hai là duyên bình đẳng. Duyên sai biệt, nghĩa là chúng sinh từ lúc mới phát tâm cho đến lúc thành Phật, nhờ Phật Bồ-tát v.v... các thiện tri thức tùy chỗ ứng hóa mà vì hiện thân v.v... Duyên bình đẳng, nghĩa là tất cả chư Phật và chư Bồ-tát dùng trí tuệ bình đẳng chí nguyện bình đẳng, muốn cứu tế khắp tất cả chúng sinh, mặc tình tương tục, thường không đoạn tuyệt. Vì trí tuệ này huân chúng sinh nên khiến họ nghĩ nhớ chư Phật Bồ-tát, hoặc thấy hoặc nghe mà làm lợi ích vào tịnh Tam-muội, tùy chỗ đoạn chướng được mất vô ngại, ở trong mỗi niệm tất cả thế giới bình đẳng hiển hiện, thấy vô lượng chư Phật và chư Bồ-tát. Trong Hoa Nghiêm Ký nói: “Đó thì chân như, cũng là năng huân cũng năng thọ huân”. Nên trong kinh Lăng-già nói: “Huân chẳng thể nghĩ bàn, biến chẳng thể nghĩ bàn, là nhân hiện thức”, nghĩa là chẳng thể huân mà huân nên gọi là huân chẳng thể nghĩ bàn. chân như chẳng biến mà tùy duyên thành pháp, gọi là biến chẳng thể nghĩ bàn, cũng tức chẳng nhiễm mà nhiễm vậy. Pháp sư Tịnh nói: “Vọng tâm thông nghiệp thức và sự thức, nay y cứ bản đó nói nghiệp thức vậy. Nói huân tập nên có tướng nhiễm là chân như vốn không tướng, tùy huân hiện tướng. Lại, hiển vọng pháp không thể, nên chỉ nói là tướng. Đây, giải thích Như Lai tạng làm ác tập sở huân v.v... trong kinh, ở trên tức là chân như trong môn sinh diệt, nói có dụng tịnh, đây là bản giác chân như trong môn sinh diệt, nên có nghĩa huân, trong môn chân như thì không nghĩa này. Do trong bản giác đây huân bất giác khiến thành nhằm chán và mạng căn, ngược dòng thuận chân, nên nói là dụng vậy. Đây là giải thích do Như Lai Tạng trong kinh vậy, năng nhằm chán khổ sinh tử, vui cầu Niết-bàn vậy. Trong kinh Niết-bàn nói: “Người xiển-đề do sức Phật tánh nên trở lại sinh thiện căn”. Kinh nói sức Phật tánh tức là lực huân trong bản giác đây vậy. Do vì một thức bao gồm hai nghĩa đây, lại qua lại huân khắp sinh nhiễm tịnh vậy. Phật nói trong đây, là giác tánh là gốc nên gọi là bản giác.

Hỏi: Phật chủng theo duyên khởi, tức là nghĩa hưởng thượng ước về trong ba thân Pháp Báo Hóa là Phật chủng nào theo duyên khởi?

Đáp: Là báo thân Phật, do huân thành vậy. Dùng trí làm chủng, pháp thân là vô vi, đoạn hoặc hiển bày, chẳng theo chủng tử sinh. Vì pháp thân báo thân đầy đủ năng khởi hóa hiện, tức hóa thân là dụng của báo thân và pháp thân. Chỉ tánh báo Phật tức là tất cả chúng sinh nghe huân chủng tử. Vả lại như cam lồ ở thế gian là sương móc trên lá thắm đượm, một một giọt vào trong đất thành một chuỗi châu, lại thắm đượm sinh trưởng mầm cành. Thật tánh báo thân cũng như vậy, kiến phần thức thứ sáu và kiến phần nhĩ thức chúng ta như đồng cam lồ trên lá, giáo pháp Đại thừa của Như Lai tựa như sương móc. Nhĩ thức là thức thứ sáu huân được chủng tử Đại thừa, tựa thắm đượm rơi ở trong thức thứ sáu, như vào trong đất sinh được chuỗi châu. Sau vài lần tư huân đến thành tự thọ dụng báo thân Phật, lại gặp thắm đượm sinh khởi mầm cành, nên biết Phật chủng toàn sự huân thành. Người mới học sao chẳng nương nhờ sức lực nghe pháp? Vả lại, chúng sinh tuy có tánh chánh nhân, phải nhờ nhân duyên phát khởi. Như trong luận Đại Trí Độ nói: “Như trong kinh nói hai thứ nhân duyên phát khởi chánh kiến: Một là ngoài nghe chánh pháp, hai là trong có chánh niệm. Lại như cỏ cây, trong có hạt giống, ngoài có mưa đượm, sau đó được sinh. Nếu không Bồ-tát thì chúng sinh tuy có nghiệp nhân duyên nhưng không do đâu phát khởi. Nhưng muốn hoằng dương Phật pháp, phân tích viên tông, nên phải tánh tướng đều rõ, tổng biệt đều rành. Nên trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng nói:

*“Quả báo lớn như vậy
Các thứ nghĩa tánh tướng
Ta cùng mười phương pháp
Mới hay biết việc ấy”.*

Nay bản ý của Tông Kính, cốt yếu lý sự phải phân minh mới hiển bày thể dụng của chân tâm đầy đủ, nếu có thể mà không dụng thì như có thân mà không tay chân. Nếu có dụng mà không có thể thì như có tay chân mà không có thân, không có thân và tay chân tức tướng người không đầy đủ. Nếu không thể dụng thì pháp thân chẳng viên mãn. Trong luận Thích Ma-ha-diễn nói: “Tự tánh thanh tịnh, tánh tức vô lậu, từ vô thủy đến nay một hưởng rõ ràng, cũng không dơ lụy, cũng không nhiễm ô, mà vì vô minh mà huân tập vậy, tức có dơ lụy. Biển chứa vô minh từ vô thủy đến nay một hưởng đến đen tối, cũng không trí sáng, cũng không phẩm trắng, mà vì bản giác mà huân tập vậy, tức

có dụng tịnh. Nhiễm tịnh như vậy chỉ là giả lập, nhiễm chẳng phải thật nhiễm, tịnh chẳng phải thật tịnh, đều là huyễn hóa, không tự tánh thật. Nên biết nhiễm tịnh không thể, tùy huân mà thành. Nếu lia duyên của huân tập, quyết định không pháp khá được. Nếu không thể của thức thứ tám huân tập thì muôn pháp chẳng thành. Trên đây lắm nhiều nghĩa môn mà thành tựu chỉ thức. Tức biết không một pháp nào chẳng từ tâm hóa sinh. Tùy theo thiện ác để huân thành, nhân tu tập mà làm chủng, tự giấy nhiễm trong đẫy hương phảng phất tỏa ngát, như dây găng xâu cá, tanh nồng mà làm hơi. Huống gì bản thức dị thực chân tâm kiên trú, nghe thiện pháp huân thì chủng tử tịnh tăng trưởng, nhân ác pháp phát thì chủng tử tịnh tăng trưởng, nhân ác pháp phát thì chủng tử nhiễm viên thành. Vì vậy, trong thì làm nhân, tuy nhiên vốn có, ngoài làm duyên trợ, phải nhờ mới huân, bèn năng khởi quả đáp nhân, làm phàm làm Thánh, nên trong kinh nói: “Phật chủng theo duyên khởi”. Nên biết không pháp nào chẳng huân thành. Vì vậy, công nghe nhiều huân tập phải thân gần đạo bạn, sức chứa học luyện mài toàn tại nơi người, không thể luống qua thời gian chẳng chuyên cần diệu hạnh, như tánh lửa trong gỗ là chánh nhân lửa, chưa gặp người thợ thì chẳng thành dụng lửa, như Phật tánh trong thân là chánh nhân Phật, chẳng gặp duyên tịnh khó thành diệu dụng.

Hỏi: Tâm thức không hình không đối, cơ sao nói nghĩa của thọ huân?

Đáp: Trong kinh nói rõ hoặc huân hoặc biến đều chẳng thể nghĩ bàn, ước về tùy duyên cố động, bày rõ tướng huân biến. Vì lúc căn bản vô minh luân bản giác, tức bản giác tùy động, nên nói là huân. Lại, thể của bản giác theo lý tuy chẳng biến, do tùy duyên vậy nên nói là biến. Tuy nhiên, huân biến nhiễm mà chẳng nhiễm, tuy chẳng huân biến chẳng nhiễm mà nhiễm, chẳng thể dùng tâm đo lường, nên nói huân chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng văn cú thuyên giải, nên nói biến chẳng thể nghĩ bàn.